

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 3692/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất**  
**năm 2020 thành phố Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020; Nghị quyết số 232/NQ-HĐND ngày 14/9/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất; danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Hà Tĩnh; Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Hà Tĩnh;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố Hà Tĩnh tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 22/10/2020 về việc Phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Hà Tĩnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3627/TTr-STMMT ngày 26/10/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Hà Tĩnh, với các nội dung chủ yếu như sau:**

**1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2020**

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH sử dụng đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)							
					LUA	RPH	RDD					ĐẤT KHÁC
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Đất thương mại, dịch vụ	0,44		0,44	0,18			0,26				
1	QH Khu thương mại hỗn hợp	0,44		0,44	0,18			0,26	Phường Hà Huy Tập	233	Văn bản số 4252/UBND-KT1 ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án tại khu đất thuộc P. Hà Huy Tập	
II	Đất cơ sở y tế	0,05		0,05	0,05							
1	Trạm y tế xã Đồng Môn	0,05		0,05	0,05				thôn Thắng Lợi, xã Đồng Môn	234	Công văn số 2433/SYT-KHTC ngày 06/11/2019 của Sở Y tế Hà Tĩnh	
III	Đất cơ sở thể dục - thể thao	6,60	6,00	0,60				0,60				
1	Mở rộng Trung tâm thể dục thể thao tỉnh	6,60	6,00	0,60				0,60	Phường Nam Hà	225		
IV	Đất giao thông	0,05		0,05	0,02			0,03				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH sử dụng đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)							
					LUA	RPH	RDD	ĐẤT KHÁC				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đường trục thôn ra sân bóng xóm Nam Quang	0,05		0,05	0,02			0,03	Xóm Nam Quang, xã Thạch Trung	223	Văn bản số 285/UBND-TCKH, QLĐT ngày 20/5/2020 của UBND thành phố v/v mở rộng tuyến đường nội đường trục thôn ra sân thể thao thôn Nam Quang, Bắc Quang	NQ220
V	Đất thủy lợi	0,20		0,20	0,20							
1	Nâng cấp hệ thống mương tiêu, vùng Đồng Ghè	0,20		0,20	0,20				Thôn Liên Thanh, Liên Nhật, xã Thạch Hạ	226		
VI	Đất ở tại nông thôn	0,06		0,06				0,06				
1	Xen dăm dân cư thôn Liên Thanh	0,06		0,06				0,06	Thôn Liên Thanh, xã Thạch Hạ	231		
VII	Đất ở tại đô thị	0,97	0,00	0,97	0,08			0,01				
1	Xen dăm đất ở (NVH TDP 1 cũ)	0,01		0,01				0,01	TDP 1, P. Nam Hà	228		
2	Xen dăm đất ở KP Nhật Tân	0,05		0,05	0,05				P. Thạch Linh	229		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH sử dụng đất	Cơ sở pháp lý	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)								
					LUA	RPH	RDD	ĐẤT KHÁC					
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
3	Xen đầm đất ở KP Đại Đồng	0,03		0,03	0,03					P. Thạch Linh	230		
4	QH khu dân cư Đồng Trọt giai đoạn 2 (thu hồi đất Xương chế biến hương, nén, chiếu trúc và giấy màu)	0,88		0,88				0,88	TDP Trung Đình, Phường Thạch Quý	235,00	Vb số 8255/UBND-XD của UBND tỉnh ngày 12/12/2019 V/v quy hoạch khu dân cư Đồng Trọt giai đoạn 2; Quyết định 556/QĐ-UBND của UBND thành phố ngày 25/3/2020		
VIII	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,05		1,05	0,60			0,45					
1	Xây dựng Trụ sở Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh	0,60		0,60	0,60				TDP2, P. Nguyễn Du	236	QH tổng mặt bằng SD đất Trụ sở Cục quản lý thị trường tỉnh được UBND tỉnh duyệt ngày 28/4/2020. Cv số 1645/TCQLTT-THKHTC ngày 28/8/2020 của Tổng cục Quản lý thị trường.		
2	Trung tâm Bảo trợ khiếm thị Hà Tĩnh	0,45		0,45				0,45	KP Đông Quý, P. Thạch Quý	237,00	UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất của dự án ngày 14/10/2019		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KH sử dụng đất	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)							
					LUA	RPH	RDD	ĐẤT KHÁC				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>IX</b>	<b>Đất cơ sở tôn giáo</b>	<b>0,17</b>		<b>0,17</b>	<b>0,08</b>			<b>0,09</b>				
1	Xây dựng Nhà học giáo lý Giáo họ Yên Định	0,17		0,17	0,08			0,09	PK 10, Phường Đại Nài	224	Văn bản số 413/UBND-XD ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh v/v quy hoạch Nhà giáo lý Giáo họ Yên Định, phường Đại Nài	NQ220
<b>X</b>	<b>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng</b>	<b>0,05</b>		<b>0,05</b>				<b>0,05</b>				
1	XD tiểu công viên (Thu hồi khu đất của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)	0,05		0,05				0,05	Phường Nguyễn Du	238,00	Công văn số 7928/UBND-XD ngày 26/11/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	
	<b>Tổng 14 danh mục, công trình</b>	<b>9,64</b>	<b>6,00</b>	<b>3,64</b>	<b>1,21</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>1,55</b>				

## 2. Tổng hợp số liệu sau khi điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích theo KHSD đất đã được duyệt tại QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>5.654,97</b>	<b>5.654,97</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2.159,64</b>	<b>2.158,23</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.327,35	1.326,14
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>934,97</i>	<i>933,76</i>
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	392,37	392,37
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	142,05	142,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	337,80	337,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	72,06	72,06
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,06	0,06
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	277,19	276,99
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,13	3,13
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.366,30</b>	<b>3.368,30</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,61	17,61
2.2	Đất an ninh	CAN	13,83	13,83
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	15,25	15,25
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	256,69	256,20
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	18,23	18,23
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.177,26	1.177,50
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,43	0,43
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,67	5,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	466,47	466,51
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	795,19	796,15
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	46,01	46,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7,40	8,45
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,26	15,43
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	67,90	67,90
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã---	Tổng diện tích theo KHSD đất đã được duyệt tại QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,59	12,57
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	41,10	41,15
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,67	15,67
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	243,16	243,16
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	150,58	150,58
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	129,03	128,44

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND thành phố Hà Tĩnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND thành phố Hà Tĩnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr. Thành ủy, HĐND TP Hà Tĩnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>2</sub>.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn